

Số: 35 /2024/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính
phu Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp
luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh
phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 228/TTr-STC ngày
30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung quản lý
nhà nước về giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và thay
thế các văn bản: Quyết định số 739/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực
giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày
04/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của
quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
ban hành kèm theo Quyết định số 739/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của
UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung về thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị trực thuộc;
 - + Trung tâm Thông tin (đăng công báo);
 - + Lưu: VT, KTTHT_{Trung}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý nhà nước về giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số: 35 /2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý nhà nước về giá và hoạt động thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THAM MƯU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Điều 3. Nhiệm vụ của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá; tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá; kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá; báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Đề xuất thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thẩm định phương án giá hàng hóa và dịch vụ theo nhiệm vụ được phân công.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân

dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo danh sách các tổ chức sản xuất kinh doanh thực hiện kê khai giá tại địa phương.

7. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được phân công.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về việc trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và đề xuất với Bộ Tài chính về việc trình Chính phủ ban hành, điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 28 Luật Giá 2023 trong trường hợp cần thiết.

9. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, vận hành, cơ sở dữ liệu về giá của địa phương; định kỳ báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về giá hàng hoá, dịch vụ trên thị trường tỉnh Bắc Giang; thực hiện báo cáo giá thị trường khi có biến động đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 4. Nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm định phương án giá hàng hoá và dịch vụ theo nhiệm vụ được phân công.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá trong phạm vi ngành phụ trách theo quy định của pháp luật, tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tiếp nhận kê khai giá hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ ngành quản lý thuộc đối tượng phải kê khai giá theo nhiệm vụ được phân công.

5. Tổ chức hiệp thương giá khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của một số hàng hoá dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá và kê khai giá theo thẩm quyền.

7. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương theo nhiệm vụ được phân công.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)

1. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách và các quyết định trong lĩnh vực giá của cấp có thẩm quyền trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá, bán theo giá niêm yết theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trên địa bàn; hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức tiếp nhận kê khai giá hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được phân công.

5. Tổ chức, triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường của hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn; tổng hợp báo cáo tình hình thị trường trên địa bàn; định kỳ xây dựng báo cáo hằng tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm gửi Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 01 hằng tháng; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu; đồng thời cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá.

6. Quyết định giá cụ thể đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc phân cấp thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Phân cấp định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện định giá cụ thể hàng hoá, dịch vụ như sau:

1. Nước sạch được sản xuất từ các dự án cấp nước tại các xã trên địa bàn các huyện.

2. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của cấp huyện.

3. Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện.

4. Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

5. Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ hạng 2 trở xuống được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

6. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân cung cấp dịch vụ.

Điều 7. Phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khung giá

a) Sở Giao thông vận tải lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ lập phương án giá; căn cứ phương án giá tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gửi đến chủ trì thẩm định, lập khung giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đối với giá dịch vụ sử dụng phải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ lập phương án giá; căn cứ phương án giá tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gửi đến chủ trì thẩm định, lập khung giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đối với giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Giá tối đa

a) Sở Giao thông vận tải lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ lập phương án giá; căn cứ phương án giá tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gửi đến chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo giá tối đa đối với các dịch vụ sau:

Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh.

Dịch vụ sử dụng phải được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ lập phương án giá; căn cứ phương án giá tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gửi đến chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo giá tối đa đối với giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt).

c) Sở Tư pháp lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ lập phương án giá; căn cứ phương án giá tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gửi đến chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

3. Giá cụ thể

a) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các dịch vụ: Nước sạch được sản xuất từ các dự án cấp nước tại địa bàn thành phố Bắc Giang, thị xã, thị trấn và các xã lân cận thuộc các

huyện; Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hoá táng của cơ sở hoá táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách; Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ hạng 1 và chợ đầu mối được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh (trừ những sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại điểm b, khoản này).

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các dịch vụ: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của tỉnh; Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập; Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Dịch vụ đo đạc, bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có toạ độ.

đ) Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị.

e) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định phương án giá theo đề nghị của đơn vị cung cấp dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với: Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách); Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh.

4. Những hàng hoá dịch vụ chưa có quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn lập, thẩm định, trình phương án giá hàng hoá, dịch vụ thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh cho từng trường hợp cụ thể.

Mục 3

KÊ KHAI GIÁ

Điều 8. Tiếp nhận kê khai giá

Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Phân công nhiệm vụ tham mưu ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền ban hành theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Mục 4

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 10. Phân công nhiệm vụ tham gia Hội đồng thẩm định giá (sau đây gọi là Hội đồng)

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phần gồm: Lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng; Lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh nơi có tài sản cần thẩm định giá làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có tài sản cần thẩm định giá làm thành viên; Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá của Sở Tài chính làm thành viên; Các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc huyện nơi có tài sản cần thẩm định giá có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phần gồm: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc huyện nơi có tài sản cần thẩm định giá làm Chủ tịch Hội đồng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị thuộc huyện có tài sản cần thẩm định giá làm thành viên; Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm thành viên; Các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Cơ quan, đơn vị có tài sản cần thẩm định giá thành lập Hội đồng hoặc tham mưu người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng, thành phần Hội đồng gồm: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng làm Chủ tịch Hội đồng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tài sản cần thẩm định giá làm thành viên Hội đồng; Đại diện đơn vị chuyên môn về Tài chính - Kế hoạch cấp trên làm thành viên; Các thành viên khác do thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng quyết định.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị thẩm định giá của nhà nước

Hồ sơ đề nghị thẩm định giá của nhà nước gửi đến Hội đồng (thông qua cơ quan tham mưu thành lập Hội đồng) gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định giá theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Văn bản giao nhiệm vụ mua, đi thuê tài sản có sử dụng vốn nhà nước; Quyết định nguồn vốn thực hiện.

3. Các tài liệu thông tin về đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật của tài sản cần thẩm định giá (hình ảnh, tài liệu giới thiệu tính năng của sản phẩm).

Điều 12. Tiếp nhận và trả kết quả thẩm định giá

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị đề nghị thẩm định giá thì cơ quan, đơn vị tham mưu thành lập Hội đồng phải có văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ thẩm định giá nếu hồ sơ không đúng, không đầy đủ theo quy định.

2. Kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định giá theo quy định thì trong vòng tối đa 30 ngày làm việc, Hội đồng phải ban hành thông báo kết quả thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá của hội đồng về kết quả thẩm định giá.

Mục 5

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 13. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 14. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 15. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

d) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá.

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do mình chủ trì tham mưu.

b) Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; Giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc nhiệm vụ được giao tiếp nhận kê khai giá.

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập.

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu.

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập.

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định do Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo thẩm quyền.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính đề tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục 01



Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

DANH MỤC HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI THUỘC THẨM QUYỀN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, GIAO CHO CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

Stt	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG)	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
10	Xi măng	Sở Xây dựng
11	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
12	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
13	Thép xây dựng	Sở Công thương, Sở Xây dựng
14	Than	Sở Công thương
15	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công thương
16	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Giao thông vận tải

Stt	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
20	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
21	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
22	Thiết bị y tế	Sở Y tế
23	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
24	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
25	Dịch vụ lưu trú	Sở Xây dựng
26	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng, Sở Tài chính
27	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch
28	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
29	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
30	Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải
31	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
32	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
33	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Công thương
34	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường
35	Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa	Cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo khung giá, giá tối đa

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)



DANH MỤC HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ THUỘC THẨM QUYỀN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT

Stt	Tên hàng hoá, dịch vụ	Cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục 03

Mẫu Công văn đề nghị thẩm định giá của nhà nước

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH GIÁ

CỘNG HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v thẩm định giá tài sản

Bắc Giang, ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Tên cơ quan, đơn vị, bộ phận được giao nhiệm vụ
tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định giá.

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày /8/2024 của UBND tỉnh Bắc
Giang quy định chi tiết quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá áp dụng trên địa bàn
tỉnh Bắc Giang,

Căn cứ Quyết định số /QĐ- V/v thành lập Hội đồng thẩm định giá...

Đơn vị yêu cầu thẩm định giá:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Đề nghịthẩm định giá của tài sản theo danh mục chi tiết cụ thể như sau:

1. Tên loại tài sản:

*(Nếu nhiều Danh mục tài sản đề nghị theo mẫu Danh mục chi tiết tài sản đề nghị
thẩm định giá kèm theo.)*

2. Đặc điểm, quy cách, thông số kinh tế - kỹ thuật (Model, quy cách, thông số kỹ
thuật, đặc tính, xuất xứ, năm sản xuất, công suất,...):

3. Chất lượng: Đã qua sử dụng: Mới 100%:

4. Số lượng:

5. Giá trị đề nghị thẩm định giá:

6. Mục đích thẩm định giá:

7. Nguồn vốn thực hiện (phân loại nguồn vốn nếu có từ 2 nguồn trở lên):
.....

8. Địa điểm thẩm định giá:

9. Thời điểm thẩm định giá (cụ thể tháng, năm):

10. Tên người liên hệ:Điện thoại:

11. Giấy tờ kèm theo tài sản bao gồm: cơ sở đề xuất giá thẩm định và các tài liệu khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)